TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HIỆP
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2019/KDTM – ST
Ngày 17/4/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Nhật

- Hội thẩm nhân dân: 1/ - Ông Nguyễn Ngọc Chúc

2/ - Ông Ngô Rô Be

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Thiên Ân – Thư Ký Tòa án Nhân Dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- **Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Đức Tuyên – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.**

Trong ngày 17 tháng 4 năm 2019. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2019/ TLST- KDTM ngày 04 tháng 01 năm 2019 Về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/ QĐXXST- KDTM ngày 13 tháng 03 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty TNHH X P K G**
Địa chỉ: Lô 03, căn 34, đường P T R, phường A H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang.
Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1981, chức vụ: Giám đốc (có mặt)

Bị đơn: Ông **Huỳnh Văn Đ,** sinh năm 1960 (Vắng mặt không lý do)

Bà **Nguyễn Thị S** (Vắng mặt không lý do)

Cùng địa chỉ: ấp K 2B, xã T A, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Đại diện theo pháp luật của nguyên đơn Công ty TNHH X P K G – ông Nguyễn V P trình bày:

Vợ chồng ông Huỳnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị S là một đại lý vật tư nông nghiệp lấy hàng của công ty TNHH X P K G từ ngày 12/03/2016 vì ông Đ có nhiều vi phạm trong việc thanh toán tiền mua hàng, nên công ty ngưng cung cấp hàng hóa cho đại lý H Đ trong khi ông đang nợ công ty. Ngày 13/4/2018 ông Đ ký vào bảng chi tiết công nợ khách hàng xác nhận còn nợ công ty TNHH X P K G số tiền gốc là 142.194.645đ, ông cam kết đến vụ lúa hè thu năm 2018 sẽ thanh toán nợ gốc và lãi, lãi suất thỏa thuận giữa hai bên là 1,5%/1 tháng cho công ty TNHH X P K G. Dù cam kết như vậy nhưng khi đến hẹn ông Đ vẫn không thanh toán cho công ty chúng tôi và cố tình lánh mặt, như vậy tính tới nay ông Huỳnh Văn Đ, bà Nguyễn Thị S vẫn còn nợ công ty chúng tôi số tiền gốc là 142.194.645đ và lãi suất thỏa thuận giữa hai bên là 1,5%/1 tháng tính từ thời điểm từ ngày 14/4/2018 đến nay. Việc ông Huỳnh Văn Đ, bà Nguyễn Thị S không trả nợ đã gây cho công ty chúng tôi gặp nhiều khó khăn, thiệt hại. Do cửa hàng vật tư nông nghiệp H Đ là hộ kinh doanh cá thể của gia đình ông Huỳnh Văn Đ và vợ là bà Nguyễn Thị S, mục đích là phát triển kinh tế gia đình của ông Đ, bà S.

Nay Công ty TNHH X P K G yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Huỳnh Văn Đ, bà Nguyễn Thị S trả cho công ty TNHH X P K G số tiền gốc là 142.194.645đ (một trăm bốn mươi hai triệu một trăm chín mươi bốn nghìn sáu trăm bốn mươi lăm đồng) và yêu cầu tính lãi chậm trả theo quy định của pháp luật tính từ thời điểm từ ngày 14/4/2018 đến nay.

Bị đơn ông Huỳnh Văn Đ, bà Nguyễn Thị S trình bày: Ông Huỳnh Văn Đ, bà Nguyễn Thị S vắng mặt không lý do nên không thể trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp phát biểu:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư Ký đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự:

- Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng.

- Các bị đơn không có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập để tham gia hòa giải và tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án thông báo và triệu tập hợp lệ nên đã vi phạm Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH X P K G.

Buộc vợ chồng ông Huỳnh Văn Đ, bà Nguyễn Thị S trả cho Công ty TNHH X P K G số tiền gốc là 142.194.645đ (một trăm bốn mươi hai triệu một trăm chín mươi bốn nghìn sáu trăm bốn mươi lăm đồng) và lãi suất chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 ngân hàng thương mại có chi nhánh, phòng giao dịch tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa Công ty TNHH X P K G với vợ chồng ông Huỳnh Văn Đ, bà Nguyễn Thị S là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

[1] **Về thẩm quyền**: Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện Kinh doanh thương mại không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết vụ án Kinh doanh thương mại trên theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** vợ chồng ông Huỳnh Văn Đ, bà Nguyễn Thị S với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay vợ chồng ông Đ, bà S vắng mặt không lý do, trước đó Tòa án đã tống đạt và tiến hành các thủ tục niêm yết theo quy định chung của Bộ luật tố tụng dân sự, các thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa

cho bị đơn vợ chồng ông Đ, bà S, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt thì Tòa án tiến hành xử vắng mặt họ". Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt vợ chồng ông Đ, bà S là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] Xét yêu cầu của Công ty TNHH X P K G yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Huỳnh Văn Đ, bà Nguyễn Thị S trả cho công ty TNHH X P K G số tiền gốc là 142.194.645đ và yêu cầu tính lãi chậm trả theo quy định của pháp luật tính từ thời điểm từ ngày 14/4/2018 cho đến khi thanh toán xong nợ là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng ông Huỳnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị S là một đại lý vật tư nông nghiệp có mua hàng của công ty TNHH X P K G từ ngày 12/03/2016, vì ông Đ có nhiều vi phạm trong việc thanh toán tiền mua hàng, nên công ty ngưng cung cấp hàng hóa cho đại lý H Đ trong khi ông đang nợ công ty. Đến ngày 13/4/2018 ông Đ ký vào bảng chi tiết công nợ khách hàng xác nhận còn nợ công ty TNHH X P K G số tiền gốc là 142.194.645đ, ông Đ cam kết đến vụ lúa hè thu năm 2018 sẽ thanh toán nợ gốc và lãi cho công ty TNHH X P K G, lãi suất thỏa thuận giữa hai bên là 1,5%/1 tháng và được biết cửa hàng vật tư nông nghiệp H Đ là hộ kinh doanh cá thể do ông Huỳnh Văn Đ thành lập mục đích là phát triển kinh tế hộ gia đình và mang lại thu nhập chung cho gia đình, theo khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30...."; theo khoản 1 Điều 30: "vợ, chồng có nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Vì vậy số tiền mà vợ chồng ông Đ, bà S nợ công ty TNHH Xuân Phương Kiên Giang là 142.194.645đ (một trăm bốn mươi hai triệu một trăm chín mươi bốn nghìn sáu trăm bốn mươi lăm đồng) được coi là nợ chung của vợ chồng. Xét yêu cầu của Công ty TNHH X P K G tính lãi chậm trả theo quy định của pháp luật tính từ thời điểm từ ngày 14/4/2018 đến nay là có cơ sở chấp nhận.

Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 quy định:

Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu

trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm hiện nay của ba ngân hàng tại địa phương (Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam) theo biên bản xác minh của Tòa án ngày 12/03/2019 bằng (10,5% + 14,235% + 14,25%) : 3 = 12,995%/năm tương đương 1,082%/tháng, lãi được tính từ ngày 14/04/2018 đến ngày xét xử là 17/4/2019 là 368 ngày. Cụ thể là 142.194.645đ x 1,082% x 368 ngày = 18.872.831đ tính tròn là 18.873.000đ (mười tám triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn đồng). Tổng cộng tiền gốc và lãi là 161.067.645đ tính tròn là 161.068.000đ (một trăm sáu mươi mốt triệu không trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Về án phí DSST: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của Công ty TNHH X P K G được chấp nhận nên Công ty TNHH X P K G không phải chịu án phí, trả lại tiền tạm ứng án phí cho Công ty TNHH X P K G số tiền là 3.555.000 đồng (ba triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005296 ngày 18/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Buộc ông Huỳnh Văn Đ, bà Nguyễn Thị S phải nộp: 161.068.000đ x 5% = 8.053.400đ (tám triệu không trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng Điều 430 Bộ Luật Dân Sự năm 2015, Điều 306 Luật Thương mại năm 2005, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 11 Nghị quyết số: 01/2019/NQ – HĐTP ngày

11/01/2019 của Hội đồng Thẩm Phán Tòa án nhân dân tối cao, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH X P K G.

3/ Buộc ông Huỳnh Văn Đ, bà Nguyễn Thị S trả cho Công ty TNHH X P K G tổng cộng số tiền gốc và lãi là 161.068.000đ (một trăm sáu mươi mốt triệu không trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10% tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4/ Về án phí DSST:

- Buộc ông Huỳnh Văn Đ, bà Nguyễn Thị S nộp 8.053.400đ (tám triệu không trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm đồng).

- Trả lại tiền tạm ứng án phí cho Công ty TNHH X P K G số tiền là 3.555.000 đồng (ba triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005296 ngày 18/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự ,người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy đinh tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho Công ty TNHH X P K G biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Báo cho ông Huỳnh Văn Đ, bà Nguyễn Thị S biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Tân Hiệp.*
- *TAND tỉnh Kiên Giang .*
- *Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu HS.*
- *Lưu VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Quang Nhật